

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/9/2022

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thanh Phúc**

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Cao Văn Truyen**

2. Ông **Ngô Hồng Khánh**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Lê Thị Ly** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Trương Công Hòa** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 80/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đào Thị N, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện P, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Thanh Ng, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện P, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NHẬN THẤY

**** Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 08/6/2022, quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là bà Đào Thị N trình bày:***

Bà Đào Thị N và ông Lê Thanh Ng xây dựng gia đình với nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 12/2015 ngày 09/3/2015), hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn Bò Bản, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình sống chung thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi vã, hiểu lầm dẫn đến xô xát, ông Nguyên nhiều lần sử dụng những lời lẽ xúc phạm bà N và gia đình, nhiều lần đánh đập bà N. Lần gần đây nhất là vào đầu tháng 6 năm 2022 ông Ng đánh bà N. Cuộc sống hôn nhân vợ chồng không hòa thuận, không tìm được tiếng nói chung, hạnh phúc nhạt dần không còn quan tâm, yêu thương nhau dẫn đến hôn nhân tan vỡ. Nay bà N xác định vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, không hàn gắn được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông Lê Thanh Ng.

Về quan hệ con chung: Bà Đào Thị N xác định giữa bà và ông Lê Thanh Ng có 02 con chung là Lê Hồng Tr, sinh ngày 19/5/2015 và Lê Tú O, sinh ngày 27/10/2017. Ly hôn, bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Hồng Tr và Lê Tú O và yêu cầu ông Lê Thanh Ng cấp dưỡng nuôi 02 con số tiền là: 3.000.000 đồng/ tháng (1.500.000 đồng/ tháng/ con) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đào Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải tại Tòa án bị đơn là ông Lê Thanh Nguyên trình bày:***

Ông Lê Thanh Ng thừa nhận về thời gian và điều kiện kết hôn như bà N trình bày là đúng. Vợ chồng ông bà kết hôn vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống thì giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, ông Ng thừa nhận có một số lần vì mâu thuẫn và nóng giận nên ông Ng có đánh đập bà N. Nay ông Ng xác định vẫn còn tình cảm với bà N, mong muốn có cơ hội hàn gắn hạnh phúc gia đình để con cái có đủ cả bố và mẹ.

Về quan hệ con chung: Ông Lê Thanh Ng xác định giữa ông và bà N có 02 con chung là Lê Hồng Tr, sinh ngày 19/5/2015 và Lê Tú O, sinh ngày 27/10/2017. Ông Ng có nguyện vọng được hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng trường hợp Tòa án cho ly hôn thì ông Ng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hồng Tr, giao con Lê Tú O cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Thanh Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.***

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, bị đơn là ông Lê Thanh Ng có địa chỉ nơi cư trú tại Thôn Bồ Bản, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Do vậy, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đào Thị N và ông Lê Thanh Ng tự nguyện kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 12/2015 ngày 09/3/2015. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và các chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Đào Thị N và ông Lê Thanh Ng thực sự trầm trọng, nguyên nhân do tính tình quan điểm sống không hòa hợp, ông Ng nhiều lần đánh đập, xúc phạm nhiều lần đối với bà N gây mất trật tự thôn xóm. Giữa hai vợ chồng từ tháng 6/2022 đến nay đã không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm lẫn nhau. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ng có nguyện vọng xin được đoàn tụ. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Lê Thanh Ng vắng mặt chứng tỏ ông cũng không còn tha thiết hàn gắn cuộc hôn nhân với bà Đào Thị N. Do đó, Hội đồng xét xử, xét thấy cần áp dụng các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Đào Thị N đối với ông Lê Thanh Ng là có căn cứ.

[2.2] *Về con chung*: Quá trình giải quyết vụ án bà N và ông Ng xác định vợ chồng có 02 con chung tên:

- Lê Hồng Tr, sinh ngày 19/5/2015.
- Lê Tú O, sinh ngày 27/10/2017.

Ly hôn, bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu ông Ng cấp dưỡng nuôi 02 con số tiền là 3.000.000 đồng/tháng (1.500.000 đồng/tháng/con) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Ông Ng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Hồng Tr, giao con Lê Tú O cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng trong trường hợp ly hôn, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu về nuôi con chung của các bên đương sự thì thấy: Hiện nay 02 con còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc nhiều hơn từ người mẹ. Mặt khác, từ khi bà N và ông Ng không còn sống chung thì 02 con Lê Tú O và Lê Hồng Tr đều ở với bà N, do bà N chăm sóc, đưa đón, nuôi dạy việc học hành. Cháu Lê Hồng Tr có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn, ông Lê Thanh Ng có hành vi đánh đập bà N nhiều lần đã làm ảnh hưởng đến tâm lý của các con chung nên việc giao con Lê Hồng Tr cho ông Nguyễn cho nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo tính giáo dục tốt cho con. Mặt khác, bà N có công việc, thu nhập ổn định và có kế hoạch rõ ràng để lo cho các con.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần cho con chung, không làm xáo trộn cuộc sống ăn ở, học tập của 02 con Lê Hồng Tr, Lê Tú O. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Lê Hồng Tr và Lê Tú O cho bà Đào Thị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, có căn cứ.

Về yêu cầu ông Lê Thanh Ng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con số tiền là 3.000.000 đồng/tháng (1.500.000 đồng/tháng/con) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi của nguyên đơn bà Đào Thị N. Tại phiên tòa bà N trình bày ông Ng làm nghề điện nước, mỗi tháng thu nhập khoảng 7.000.000 đồng, trước lúc vợ chồng chưa xảy ra mâu thuẫn hàng tháng ông Ng đều đưa cho bà N số tiền 3.000.000 đồng để nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay 02 con Lê Hồng Tr, Lê Tú O cần sự hỗ trợ, chăm sóc cả về vật chất lẫn tinh thần từ cả cha và mẹ để các cháu học hành, phát triển tốt. Do đó, việc bà N yêu cầu ông Ng cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 3.000.000 đồng/tháng (1.500.000 đồng/tháng/con) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi là có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án bà N và ông Ng đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) bà Đào Thị N phải chịu.

Án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) ông Lê Thanh Ng phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Tuân hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị N đối với ông Lê Thanh Ng về việc "Ly hôn".

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị N được ly hôn ông Lê Thanh Ng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Hồng Tr, sinh ngày 19/5/2015 và Lê Tú O, sinh ngày 27/10/2017 cho bà Đào Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Thanh Ng có nghĩa vụ cấp dưỡng 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng/ tháng (1.500.000 đồng/ tháng/ con) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, đến hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung, các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án bà N và ông Ng đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) bà Đào Thị N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004410 ngày 24/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bà Đào Thị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án phí về cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) ông Lê Thanh Nguyên phải chịu.

5. Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang
(Số ĐKKH: 12/2015 ngày 29/3/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thanh Phúc